

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Tên công ty đại chúng: CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG QUY NHƠN

Năm báo cáo: Năm 2012

I. Thông tin chung:

1. Thông tin tổng quát:

- Tên giao dịch: Công ty Cổ phần Tân Cảng Quy Nhơn
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 4100694020
- Vốn điều lệ: 107.922.750.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 107.922.750.000 đồng
- Địa chỉ: 02 Phan Chu Trinh, P. Hải Cảng, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.
- Điện thoại: (84.056) 3893888/3893239
- Fax: (84.056) 3893888
- Website: www.quynhonnewport.vn
- Mã cổ phiếu (nếu có):

2. Quá trình hình thành và phát triển:

Công ty Cổ phần Tân Cảng Quy Nhơn được thành lập tại Đại hội cổ đông sáng lập Công ty vào ngày 27/01/2008. Các cổ đông sáng lập bao gồm: Công ty TNHH MTV Cảng Quy Nhơn, Công ty Cổ phần Dịch vụ Công nghiệp Hàng Hải và Công ty TNHH Mỹ Tài;

Công ty phê duyệt Dự án đầu tư thi công xây dựng công trình cầu cảng container 30.000 DWT theo Quyết định số 05/QĐ-TCQN ngày 11/02/2009;

Tháng 05/2009, khởi công san lấp 04 ha bãi giai đoạn I;

Tháng 04/2010, khởi công xây dựng cầu cảng;

Hiện tại, Dự án đang trong giai đoạn đầu tư xây dựng cơ bản, khai thác phân diện tích bãi đã san lấp cho thuê.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

Các lĩnh vực hoạt động kinh doanh được cấp phép bao gồm:

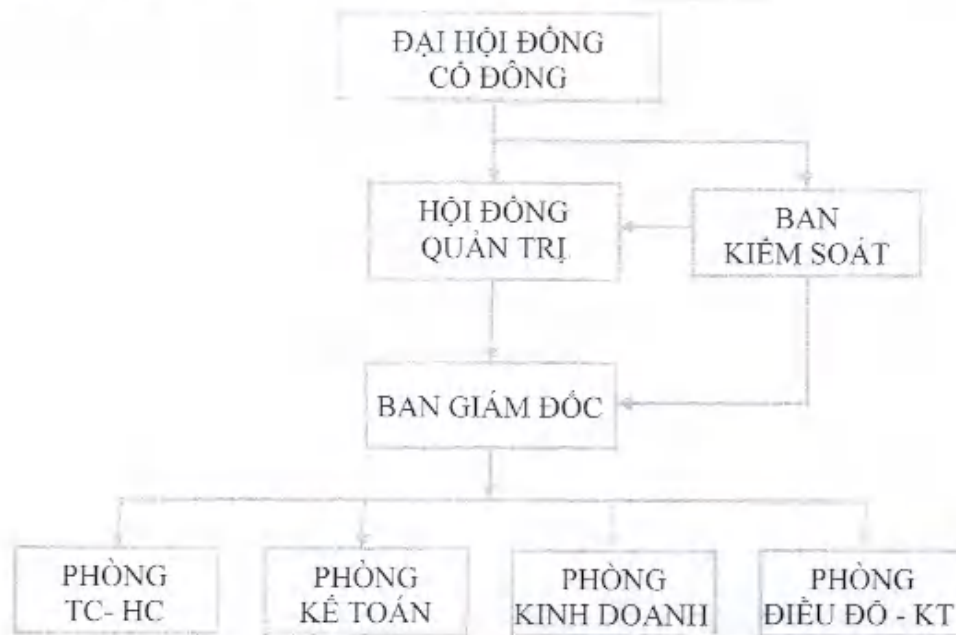
- Bốc xếp hàng hoá;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hoá;
- Vận tải hàng hoá ven biển và viễn dương;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy.

Địa bàn kinh doanh: thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy của công ty bao gồm: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, ban kiểm soát, Ban giám đốc và các phòng ban Công ty. Cơ cấu tổ chức của Công ty được xây dựng trên nguyên tắc phân công quản lý theo chức năng công việc, có mối quan hệ chặt chẽ với nhau.

Cơ cấu tổ chức bộ máy:



5. Định hướng phát triển:

- Mục tiêu chủ yếu:

Công ty Cổ phần Tân Cảng Quy Nhơn được thành lập để huy động và sử dụng một cách hiệu quả nguồn vốn cho các hoạt động đầu tư, kinh doanh khai thác cảng biển, các dịch vụ hàng hải và những lĩnh vực liên quan khác, nhằm đáp ứng nhu cầu xuất nhập khẩu hàng hóa ngày càng cao trong tỉnh Bình Định nói riêng và các vùng, miền, khu vực lân cận nói chung. Qua đó hướng đến mục tiêu thu lợi nhuận tối đa cho các nhà đầu tư, tạo công ăn việc làm ổn định cho người lao động, đóng góp tích cực vào Ngân sách Nhà nước.

- Ngắn hạn:

Tập trung hoàn thành các hạng mục đầu tư xây dựng cơ bản như: cầu tàu, kè sau cầu, nạo vét hoàn thiện, đường kết nối phục vụ khai thác và một số hạng mục liên quan khác nhằm đưa cầu tàu vào khai thác trong năm 2013, đồng thời tiếp tục hoàn thành các hạng mục còn lại, hoàn thiện Dự án trong thời gian sớm nhất;

Tiếp nhận, cung cấp dịch vụ làm hàng cho cả tàu hàng container và tàu hàng tổng hợp;

Xây dựng phương án đầu tư, sử dụng phương tiện, trang thiết bị xếp dỡ, bước đầu phục vụ việc khai thác cầu tàu, bến bãi.

- Trung và dài hạn:

Xây dựng vững mạnh đội ngũ cán bộ công nhân viên trong Công ty, đảm bảo hoàn thành tốt công tác quản lý, kinh doanh hiệu quả;

Đầu tư trang thiết bị hiện đại, xây dựng cơ sở hạ tầng, nâng cao hệ thống quản lý tác nghiệp;

Xây dựng, phát triển thành cầu cảng chuyên dụng, phục vụ làm hàng cho các tàu hàng container lớn, hướng đến mục tiêu trở thành Cảng xếp dỡ container chuyên nghiệp, điểm trung chuyển hàng hóa container nội địa và quốc tế lớn trong khu vực Nam Trung Bộ;

Mở rộng quy mô ngoài khai thác Cảng bằng việc phát triển các dịch vụ hỗ trợ, nhằm tăng tính kết nối và nâng cao lượng hàng hóa thông qua Cảng như: Dịch vụ Giao nhận hàng hóa (Forwarding), Dịch vụ vận tải, Dịch vụ xuất nhập khẩu, Dịch vụ hàng hải, không chỉ phục vụ cho Công ty mà còn cho các Cảng biển trong khu vực, xây dựng thương hiệu Công ty Cổ phần Tân Cảng Quy Nhơn ngày càng vững mạnh.

6. Các rủi ro:

Khó khăn nền kinh tế, lãi suất ngân hàng cao, giá cả leo thang đã làm ảnh hưởng lớn đến tiến độ đầu tư xây dựng cơ bản dự án.

II. Tình hình hoạt động trong năm:

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

Hiện tại, Công ty đang trong giai đoạn đầu tư xây dựng cơ bản dự án Cầu cảng Container 30.000 DWT, hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp là cho thuê bãi đã san lấp. Cụ thể:

- Doanh thu từ cho thuê bãi: 5.060.325.795 đồng
- Doanh thu lãi tiền gửi: 1.998.699.531 đồng
- Lợi nhuận đạt được sau thuế: 3.169.474.218 đồng

Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2012 so với kế hoạch:

TT	Chỉ tiêu	Kế hoạch (VNĐ)	Thực hiện (VNĐ)	Hoàn thành (%)
1	Tổng doanh thu	6.700.000.000	7.059.025.326	105
3	Lợi nhuận trước thuế	3.680.000.000	3.169.474.218	86
4	Thuế thu nhập doanh nghiệp	170.000.000	-	-
5	Lợi nhuận sau thuế	3.510.000.000	3.169.474.218	90
6	LN chưa phân phối các năm trước	-	-	-
7	Tổng lợi nhuận dùng phân phối	3.510.000.000	3.169.474.218	90

2. Tổ chức và nhân sự:

Danh sách Ban điều hành:

- Ông Phạm Văn Thành Chức vụ: Giám đốc
Số CMND: 211707629 Ngày cấp: 01/2/2012 Nơi cấp: CA Bình Định
Địa chỉ: Số 01 Nguyễn Thiện Thuật – TP. Quy Nhơn – Bình Định
Ngày bổ nhiệm: 01/06/2012

Là người đại diện theo pháp luật của Công ty từ ngày 30/6/2012 Nghị quyết số 72/NQ-ĐHĐCĐ của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012.

Tỷ lệ sở hữu cổ phần: Không

- Ông Mai Quang Cường Chức vụ: Kế toán trưởng
Số CMND: 211722832 Ngày cấp: 24/10/1997 Nơi cấp: CA Bình Định

Địa chỉ: Số 34 Nguyễn Tư – TP. Quy Nhơn – Bình Định

Ngày bổ nhiệm: 01/06/2012

Tỷ lệ sở hữu cổ phần: Không

- Số lượng cán bộ, nhân viên: 11 người

- Tóm tắt chính sách và thay đổi chính sách đối với người lao động: Công ty thực hiện nghiêm chỉnh các quy định của Nhà nước về lao động, lương, bảo hiểm.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

Trong năm 2012, Công ty tập trung đẩy nhanh tiến độ xây dựng cơ bản cầu cảng Container 30.000 DWT, cụ thể:

- Hoàn thiện các gói thầu cung cấp và đóng cọc thử, đóng cọc cầu tàu và kè sau cầu;

- Tiếp tục thực hiện gói thầu Bê tông đầm bản các loại, kè sau cầu: khối lượng đạt được đến ngày 31/12/2012 là 60%. Hiện tại đang thi công phần còn lại, dự kiến đến 30/04/2013 hoàn thành;

- Triển khai các gói thầu:

+ Gói thầu Nạo vét giai đoạn II - Giai đoạn hoàn thiện: đã hoàn thành công việc khảo sát, lập dự toán, đang tổ chức lựa chọn Nhà thầu xây dựng. Dự kiến đến tháng 06/2013 thì công hoàn thành;

+ Gói thầu Đường kết nối phục vụ khai thác: Đã hoàn thiện việc khảo sát, đang thiết kế và lập dự toán đầu tư. Dự kiến đến tháng 06/2013 thì công hoàn thành;

+ Gói thầu Hệ thống điện chiếu sáng cầu tàu: Đang trong giai đoạn khảo sát, thiết kế. Dự kiến đến tháng 06/2013 thì công hoàn thành.

4. Tình hình tài chính

a. Tình hình tài chính:

Chỉ tiêu	Năm 2011	Năm 2012	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	136.393.516.143	141.999.904.289	1,04
Doanh thu thuần	11.769.813.517	7.059.025.326	0,60
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	8.659.178.690	3.169.474.218	0,37
Lợi nhuận khác	-	-	-
Lợi nhuận trước thuế	8.659.178.690	3.169.474.218	0,37
Lợi nhuận sau thuế	7.134.504.085	3.169.474.218	0,44
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	661	294	0,44

b. Các chỉ tiêu khác:

Các chỉ tiêu	Năm 2011	Năm 2012	Ghi chú
<i>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn	12,85	1,01	

106
107
108
109
110

+ Hệ số thanh toán nhanh: <u>TSLĐ - Hàng tồn kho</u> Nợ ngắn hạn	12,59	0,92	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,12	0,21	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,14	0,26	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho: <u>Giá vốn hàng bán</u> Hàng tồn kho bình quân			
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,09	0,05	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số LN sau thuế/DT thuần	0,61	0,45	
+ Hệ số LN sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,06	0,03	
+ Hệ số LN sau thuế/Tổng tài sản	0,05	0,02	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0,74	0,45	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

a) Cổ phần:

- Loại Cổ phần: Phổ thông
- Tổng số cổ phần: 10.792.275 Cổ phần
- Mệnh giá: 10.000đ/CP
- Số lượng cổ phần tự do chuyển nhượng: 10.792.275 Cổ phần
- Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng theo Điều lệ công ty: Không

b) Cơ cấu cổ đông:

Tình hình cơ cấu Cổ đông của Công ty CP Tân Cảng Quy Nhơn được tổng hợp theo danh sách cổ đông tại ngày 31/12/2012 như sau:

Danh mục	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ (%)
1. Số lượng Cổ đông	908		
2. Cổ đông lớn (sở hữu >5% tổng số CP)	1		
Cty TNHH Một thành viên Cảng Quy Nhơn		1.800.000	16,68
3. Cổ đông tổ chức	7	2.782.633	25,78
- Cty TNHH Một thành viên Cảng Quy Nhơn		1.800.000	16,68
- Công ty TNHH Mỹ Tài Bình Định		400.000	3,70
- Công ty CP DV Công nghiệp Hàng Hải		360.000	3,34
- Tổ chức khác	4	222.633	2,06

Danh mục	Số lượng cổ đồng	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ (%)
4. Cổ đông cá nhân	901	8.009.642	74,22
5. Cổ đông trong nước	908	10.792.275	100,00

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không

e) Các chứng khoán khác: Không

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Doanh thu năm 2012 của Công ty đạt 105% nhưng lợi nhuận sau thuế đạt 90% kế hoạch, lý do: Trong năm 2012 Công ty không sử dụng phương án huy động vốn mà sử dụng tiền vay ngân hàng để đầu tư làm tăng chi phí lãi vay cho hạng mục đầu tư đã hình thành tài sản.

2. Tình hình tài chính:

a) Tình hình tài sản:

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	15.802.840.908	-	15.802.840.908
Tăng trong năm	-	43.718.182	43.718.182
Mua sắm mới	-	43.718.182	43.718.182
Giảm trong năm	-	-	-
Số cuối năm	15.802.840.908	43.718.182	15.846.559.090
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	1.782.329.545	-	1.782.329.545
Tăng trong năm	790.142.045	5.437.500	795.579.545
Khấu hao trong năm	790.142.045	5.437.500	795.579.545
Giảm trong năm	-	-	-
Số dư cuối năm	2.572.471.590	5.437.500	2.577.909.090
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	14.020.511.363	-	14.020.511.363
Số cuối năm	13.230.369.318	38.280.682	13.268.650.000

(Nguồn: Báo cáo tài chính năm 2012 đã được kiểm toán)

b) Tình hình nợ phải trả:

- Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn các khoản nợ:

TT	Chỉ tiêu	31/12/2011	31/12/2012
1	Vay ngắn hạn (nợ dài hạn đến hạn trả)	800.000.000	800.000.000
2	Vay dài hạn	12.474.492.149	17.179.018.915

TT	Chỉ tiêu	31/12/2011	31/12/2012
3	Phải trả dài hạn khác	300.000.000	300.000.000
4	Phải trả người bán	2.557.431.470	10.957.877.222
5	Thuế các khoản phải nộp Nhà nước	336.788.311	-
6	Phải trả người lao động	-	48.834.000
7	Chi phí phải trả	57.600.000	44.054.545
8	Phải trả ngắn hạn khác	-	256.654.968
9	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	126.795.000
	Tổng cộng	16.526.311.930	29.713.234.650

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:

4. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán: không

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty:

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty:

Trong tình hình kinh tế khó khăn như hiện nay, song được sự quan tâm của các cấp chính quyền địa phương, sự chỉ đạo quyết liệt của Hội đồng quản trị và Ban lãnh đạo Công ty, tiến độ đầu tư xây dựng cầu cảng container 30.000DWT đã được cải thiện đáng kể.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty:

Ban Giám đốc Công ty thực hiện nghiêm túc và hiệu quả theo đúng mục tiêu định hướng của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị Công ty.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn đã được quy định trong Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, chỉ đạo tổ chức thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, tiếp tục chỉ đạo triển khai dự án đầu tư xây dựng cầu cảng container 30.000DWT.

V. Quản trị công ty:

1. Hội đồng quản trị:

Các hoạt động của Hội đồng quản trị trong sáu tháng đầu năm: Trong sáu tháng đầu năm Hội đồng quản trị tổ chức 02 cuộc họp, cụ thể:

- Ngày 29/03/2012 Hội đồng quản trị thông qua một số nội dung: Báo cáo tài chính năm 2012 đã được kiểm toán; Báo cáo hoạt động SXKD năm 2011; phương án trích quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2011 và chia cổ tức năm 2009-2011; phương án huy động vốn đầu tư dự án;

- Ngày 24/05/2012 Hội đồng quản trị đã thông qua các nội dung: Chương trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012; công tác nhân sự Ban điều hành (bổ nhiệm Giám đốc và Kế toán trưởng).

Các hoạt động của Hội đồng quản trị trong sáu tháng cuối năm: Tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2012 đã bầu Hội đồng quản trị nhiệm kỳ mới (nhiệm kỳ 2012 - 2017), bao gồm:

TT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu CP	Ghi chú
1	Ông Nguyễn Hữu Phúc	Chủ tịch	1,048%	
2	Ông Lê Duy Linh	Thành Viên	3,706%	Đại diện cổ phần Công ty TNHH Mỹ Tài
3	Ông Bùi Văn Cấp	Thành Viên	0,093%	

- Ngày 30/06/2012 Hội đồng quản trị đã bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Tân Cảng Quy Nhơn nhiệm kỳ 2012 - 2017;

- Ngày 09/10/2012 Hội đồng quản trị đã thông qua một số nội dung: Kế hoạch đầu tư xây dựng các hạng mục trong giai đoạn từ tháng 10/2012 đến tháng 03/2013; Thực hiện vay vốn để đầu tư dự án; Chọn Công ty kiểm toán để quyết toán vốn đầu tư dự án và kiểm toán tài chính năm 2012;

- Ngoài ra, Hội đồng quản trị còn tổ chức lấy ý kiến của các Thành viên Hội đồng quản trị. Như sau:

+ Nghị quyết số 102/NQ-HĐQT ngày 09/10/2012 của Hội đồng quản trị đã thông qua các nội dung: Kế hoạch ĐTXD các hạng mục cơ bản trong giai đoạn từ tháng 10/2012 đến tháng 03/2013; Thực hiện vay vốn Ngân hàng để đầu tư cho dự án; Chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2012 và kiểm toán quyết toán vốn đầu tư dự án;

+ Quyết định số 119/QĐ-HĐQT ngày 31/10/2012 của Hội đồng quản trị thông qua: Hợp đồng kiểm toán quyết toán vốn đầu tư dự án; Bổ sung Hợp đồng tín dụng vay vốn đầu tư cho dự án; Hợp đồng thế chấp tài sản bảo đảm vốn vay và thống nhất sẽ trình Đại hội đồng cổ đông Công ty thông qua trong kỳ Đại hội gần nhất; Hợp đồng khảo sát khối lượng nợ vớt giai đoạn 2 - giai đoạn hoàn thiện;

+ Nghị quyết số 132/NQ-HĐQT ngày 31/12/2012 của Hội đồng quản trị đã thông qua một số nội dung sau: Thống nhất bù chi phí nhân công cho gói thầu Bê tông các loại dầm bản và kê sau cầu; thống nhất Hợp đồng thẩm tra dự toán hạng mục công trình nợ vớt giai đoạn 2 - giai đoạn hoàn thiện; thống nhất nội dung Hợp đồng kiểm toán báo cáo tài chính năm 2012.

2. Ban kiểm soát:

Tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2012 đã bầu Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới (nhiệm kỳ 2012 - 2017), bao gồm:

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu CP
1	Ông Nguyễn Kim Toàn	Trưởng ban	0
2	Ông Phạm Minh Quốc	Thành Viên	0
3	Ông Nguyễn Minh Hùng	Thành Viên	0,009%

Các hoạt động của Ban kiểm soát:

+ Ban kiểm soát Công ty hợp định kỳ cùng với các kỳ họp HĐQT. Ban kiểm soát đã thực hiện đầy đủ nhiệm vụ và quyền hạn được quy định trong điều lệ của Công ty: Giám sát, kiểm tra, thẩm tra báo cáo tài chính và các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty nhằm bảo đảm tính chính xác, trung thực về báo cáo hoạt động của Công ty, nhằm đảm bảo quyền lợi của cổ đông;

+ Hàng năm Ban Kiểm soát có báo cáo đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính, hoạt động đầu tư của Công ty, đồng thời đưa ra những kiến nghị đối với HĐQT, Đại hội đồng cổ đông thường niên xem xét quyết định.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

TT	Nội dung	Chức vụ	Năm 2012		
			Lương/TL	Thưởng	Tổng
I	Hội đồng quản trị				
	6 tháng đầu năm				
1	Nguyễn Tín Dân	Chủ tịch	6.000.000	-	6.000.000
2	Lê Duy Linh	Thành viên	3.000.000	-	3.000.000
3	Nguyễn Phi Hanh	Thành viên	3.000.000	-	3.000.000
4	Nguyễn Quý Hà	Thành viên	3.000.000	-	3.000.000
5	Lê Minh Tiến	Thành viên	3.000.000	-	3.000.000
	6 tháng cuối năm				
1	Nguyễn Hữu phúc	Chủ tịch	6.000.000	-	6.000.000
2	Lê Duy Linh	Thành viên	3.000.000	-	3.000.000
3	Bùi Văn Cấp	Thành viên	3.000.000	-	3.000.000
II	Ban Giám đốc				
1	Phạm Văn Thành	Giám đốc	88.237.000	5.000.000	93.237.000
III	Ban kiểm soát				
1	Lê Thị Phê (6 tháng đầu năm)	Trưởng Ban	1.800.000	-	1.800.000
2	Nguyễn Kim Toàn (6 tháng cuối năm)	Trưởng Ban	1.800.000	-	1.800.000

b) Giao dịch cổ phần cổ đông nội bộ:

TT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ	Số cổ phần sở hữu đầu kỳ		Số cổ phần sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phần	Tỷ lệ %	Số cổ phần	Tỷ lệ %	
1	Nguyễn Hữu Phúc	Chủ tịch HĐQT	32.444	0,03	113.105	1,048	Mua thêm

c) Hợp đồng giao dịch với cổ đông nội bộ: Không

VI. Báo cáo tài chính:

1) Ý kiến kiểm toán:

Theo ý kiến của chúng tôi, xem xét mọi phương diện trọng yếu, Báo cáo tài chính đề cập đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty cổ phần Tân Cảng Quy Nhơn, đồng thời phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Không phủ nhận ý kiến nêu trên, chúng tôi lưu ý đến người đọc báo cáo tài chính này rằng, Công ty chưa ghi nhận vào kết quả kinh doanh năm 2012 khoản tiền phạt hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán với số tiền 290.000.000 VNĐ mà tạm hạch toán vào Mục tài sản ngắn hạn khác để chờ xử lý của cấp có thẩm quyền (Xem Thuyết minh V.05).

2) Báo cáo tài chính đã được kiểm toán:

Báo cáo tài chính năm 2012 của Công ty đã được Công ty Kiểm toán và giải pháp công nghệ thông tin Đại Nam kiểm toán theo quy định của pháp luật (đính kèm báo cáo này).

Nơi nhận: 
- UBCK Nhà nước;
- Website Công ty;
- Lưu TC-HC.



Phạm Văn Thành

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		12.194.062.556	48.213.244.998
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	1.055.783.238	29.515.598.040
1. Tiền	111		1.055.783.238	215.598.040
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	29.300.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		10.048.252.511	17.707.380.711
1. Phải thu khách hàng	131	V.02	2.041.623.438	1.719.827.345
2. Các khoản phải thu khác	135	V.03	8.006.629.073	15.987.553.366
3. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		1.090.026.807	990.266.247
1. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		613.392.098	990.266.247
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.04	186.634.709	-
3. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.05	290.000.000	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		129.805.841.733	88.180.271.145
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		129.703.519.133	88.180.271.145
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.06	13.268.650.000	14.020.511.363
<i>Nguyên giá</i>	222		<i>15.846.559.090</i>	<i>15.802.840.908</i>
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		<i>(2.577.909.090)</i>	<i>(1.782.329.545)</i>
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.07	116.434.869.133	74.159.759.782
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		102.322.600	-
Chi phí trả trước dài hạn	261	V.08	102.322.600	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		141.999.904.289	136.393.516.143

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG QUY NHƠN

Địa chỉ: Số 02 Phan Chu Trinh, phường Hải Cảng, TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		29.713.234.650	16.526.311.930
I. Nợ ngắn hạn	310		12.234.215.735	3.751.819.781
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.09	800.000.000	800.000.000
2. Phải trả người bán	312	V.10	10.957.877.222	2.557.431.470
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.11	-	336.788.311
4. Phải trả người lao động	315	V.12	48.834.000	-
5. Chi phí phải trả	316		44.054.545	57.600.000
6. Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác	319	V.13	256.654.968	-
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	320	V.14	126.795.000	-
II. Nợ dài hạn	330		17.479.018.915	12.774.492.149
1. Phải trả dài hạn khác	333	V.15	300.000.000	300.000.000
2. Vay và nợ dài hạn	334	V.16	17.179.018.915	12.474.492.149
B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		112.286.669.639	119.867.204.213
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.17	112.286.669.639	119.867.204.213
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		107.922.750.000	107.922.750.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	417		1.194.445.421	-
3. Quỹ dự phòng tài chính	418		-	-
4. Lợi nhuận chưa phân phối	420		3.169.474.218	11.944.454.213
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		141.999.904.289	136.393.516.143

Bình Định, ngày 31 tháng 01 năm 2013



MAI QUANG CƯỜNG
Kế toán trưởng



PHẠM VĂN THÀNH
Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

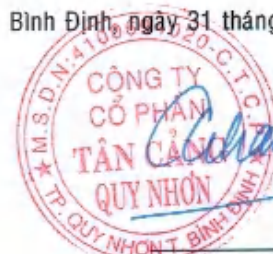
Năm 2012

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	5.060.325.795	4.924.576.260
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.01	5.060.325.795	4.924.576.260
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.02	790.142.045	790.142.045
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		4.270.183.750	4.134.434.215
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	1.998.699.531	6.845.237.257
7. Chi phí tài chính	22		2.148.774.637	1.930.109.336
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		2.148.774.637	1.930.109.336
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.04	950.634.426	390.383.446
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		3.169.474.218	8.659.178.690
11. Thu nhập khác	31		-	-
12. Chi phí khác	32		-	-
13. Lợi nhuận khác	40		-	-
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		3.169.474.218	8.659.178.690
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	V.08	-	1.524.674.605
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.05	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		3.169.474.218	7.134.504.085
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		294	661

Bình Định, ngày 31 tháng 01 năm 2013



MAI QUANG CƯỜNG
Kế toán trưởng



PHẠM VĂN THÀNH
Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2012

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		3.169.474.218	8.659.178.690
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định	02		795.579.545	790.142.045
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		-	(7.380.641.776)
- Chi phí lãi vay	06		2.148.774.637	1.930.109.336
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		6.113.828.400	3.998.788.295
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		7.559.367.640	3.019.819.768
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		8.571.246.549	-
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(102.322.600)	-
- Tiền lãi vay đã trả	13		(2.148.774.637)	(1.930.109.336)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(523.423.020)	(1.574.845.039)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	3.951.066.981
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(23.205.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ HĐ kinh doanh	20		19.446.717.332	7.464.720.669
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21		(42.267.705.076)	(50.135.635.809)
2. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	6.000.000.000
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		-	7.380.641.776
Lưu chuyển tiền thuần từ HĐ đầu tư	30		(42.267.705.076)	(36.754.994.033)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		5.504.526.766	4.600.000.000
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(800.000.000)	(4.600.000.000)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(10.343.353.824)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ HĐ tài chính	40		(5.638.827.058)	-
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(28.459.814.802)	(29.290.273.364)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.01	29.515.598.040	58.805.871.404
Ảnh hưởng của thay đổi TGHĐ quy đổi NT	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.01	1.055.783.238	29.515.598.040

Bình Định, ngày 31 tháng 01 năm 2013



MAI QUANG CƯỜNG
Kế toán trưởng



PHẠM VĂN THÀNH
Giám đốc

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2012

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 của Công ty cổ phần Tân Cảng Quy Nhơn (gọi tắt là "Công ty").

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Thương mại - Dịch vụ
3. **Ngành nghề kinh doanh** :
 - Bốc xếp hàng hóa (chi tiết kinh doanh bốc xếp);
 - Mua bán vật tư, thiết bị phục vụ cho cảng;
 - Kinh doanh kho bãi;
 - Kinh doanh và vận chuyển hàng hóa đường biển;
 - Dịch vụ đại lý vận tải thủy và bộ, dịch vụ cung ứng lương thực, thực phẩm cho tàu biển;
 - Dịch vụ lai dắt tàu biển.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Năm 2012 là năm tài chính thứ năm (05) của Công ty hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần.
2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006.
2. **Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính.
3. **Hình thức kế toán áp dụng**

Công ty sử dụng hình thức kế toán chứng từ ghi sổ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG QUY NHƠN

Địa chỉ: Số 02 Phan Chu Trinh, phường Hải Cảng, TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp thực tế đích danh và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (nếu có) được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán tại thời điểm lập Bảng cân đối kế toán.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với hướng dẫn theo Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính.

Thời gian khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	20
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 - 08

6. Chi phí trả trước dài hạn

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ trên 12 tháng.

7. Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả phải nộp khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

8. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG QUY NHƠN

Địa chỉ: Số 02 Phan Chu Trinh, phường Hải Cảng, TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông;
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá;
- Vốn khác: hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, giá trị các tài sản được tặng, biếu, tài trợ và đánh giá lại tài sản.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

9. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả trong kỳ cổ tức được công bố.

10. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 10% trên thu nhập chịu thuế áp dụng trong 15 năm kể từ khi doanh nghiệp có thu nhập chịu thuế từ dự án đầu tư. Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25% trên thu nhập tính thuế từ các hoạt động khác ngoài dự án đầu tư.

Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm và giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 9 năm tiếp theo kể từ khi có thu nhập chịu thuế từ dự án đầu tư theo quy định tại Nghị định số 124/2004/NĐ-CP ngày 11 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của luật Thuế thu nhập doanh nghiệp.

Năm 2009 là năm tài chính đầu tiên của Công ty được cấp giấy Chứng nhận đầu tư dự án. Do không tròn năm nên Công ty chọn thời gian miễn thuế trong 4 năm bắt đầu từ năm 2010 và giảm 50% trong 9 năm tiếp theo là từ năm 2014.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất áp dụng tại ngày cuối kỳ. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

11. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Khi bán hàng hóa, thành phẩm doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG QUY NHƠN

Địa chỉ: Số 02 Phan Chu Trinh, phường Hải Cảng, TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày cuối kỳ.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ. Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	10.220.412	4.037.420
Tiền gửi ngân hàng	1.045.562.826	211.560.620
Các khoản tương đương tiền (*)	-	29.300.000.000
Cộng	<u>1.055.783.238</u>	<u>29.515.598.040</u>

(*) Các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 03 tháng tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Định và Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Quy Nhơn.

2. Phải thu khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH MTV Cảng Quy Nhơn	1.721.192.989	1.399.396.896
Công ty TNHH Sản xuất Dăm gỗ Bình Định	320.430.449	320.430.449
Cộng	<u>2.041.623.438</u>	<u>1.719.827.345</u>

3. Trả trước cho người bán

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty cổ phần Nạo vét Xây dựng và Thương mại	7.337.298.815	8.594.152.194
Công ty cổ phần Đầu tư Phan Vũ	-	6.904.821.172
Công ty cổ phần Xây dựng Thương mại Dương Kinh	488.580.000	488.580.000
Các đối tượng khác	180.750.258	-
Cộng	<u>8.006.629.073</u>	<u>15.987.553.366</u>

4. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa.

5. Tài sản ngắn hạn khác

Khoản tiền phạt do vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán theo Quyết định số 15/QĐ-UBCK ngày 05 tháng 01 năm 2012 của Ủy ban chứng khoán Nhà nước. Công ty tạm ghi nhận hạch toán trên Mục tài sản ngắn hạn khác để chờ ý kiến xử lý của cấp có thẩm quyền.

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG QUY NHƠN

Địa chỉ: Số 02 Phan Chu Trinh, phường Hải Cảng, TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**6. Tăng giảm tài sản cố định hữu hình**

Bảng chi tiết tài sản cố định hữu hình và khấu hao tài sản cố định hữu hình:

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	15.802.840.908	-	15.802.840.908
Tăng trong năm	-	43.718.182	43.718.182
<i>Mua sắm mới</i>	-	43.718.182	43.718.182
Giảm trong năm	-	-	-
Số cuối năm	15.802.840.908	43.718.182	15.846.559.090
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	1.782.329.545	-	1.782.329.545
Tăng trong năm	790.142.045	5.437.500	795.579.545
<i>Khấu hao trong năm</i>	790.142.045	5.437.500	795.579.545
Giảm trong năm	-	-	-
Số cuối năm	2.572.471.590	5.437.500	2.577.909.090
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	14.020.511.363	-	14.020.511.363
Số cuối năm	13.230.369.318	38.280.682	13.268.650.000

Tài sản cố định ghi nhận là "Nhà cửa vật kiến trúc" là chi phí san lấp tạo bãi sau cầu cảng 30.000 DWT giai đoạn 1. Công ty tạm ghi nhận nguyên giá theo Biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình đưa vào sử dụng ngày 09 tháng 12 năm 2009 giữa Công ty cổ phần Tân Cảng Quy Nhơn với Công ty TNHH Đầu tư và Xây dựng Kim Cúc.

7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí đầu tư xây dựng cơ bản dở dang Công trình cầu cảng Container 30.000 DWT - Cảng Quy Nhơn.

8. Chi phí trả trước dài hạn

Số đầu năm	-
Chi phí phát sinh tăng trong năm	175.652.337
Kết chuyển vào chi phí trong năm	(73.329.737)
Số cuối năm	102.322.600

9. Vay và nợ ngắn hạn

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn và vay dài hạn đến hạn trả như sau:

Đối tượng cho vay	Số đầu năm	Chuyển từ vay dài hạn sang	Số tiền vay trả trong năm	Số cuối năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	-	-	-	-
Vay dài hạn đến hạn trả	800.000.000	800.000.000	(800.000.000)	800.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Định	800.000.000	800.000.000	(800.000.000)	800.000.000
Tổng cộng	800.000.000	800.000.000	(800.000.000)	800.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG QUY NHƠN

Địa chỉ: Số 02 Phan Chu Trinh, phường Hải Cảng, TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**10. Phải trả người bán**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty cổ phần Nạo vét Xây dựng và Thương mại	5.541.280.296	2.557.431.470
Công ty cổ phần Đầu tư Phan Vũ	5.399.557.746	-
Các đối tượng khác	17.039.180	-
Cộng	<u>10.957.877.222</u>	<u>2.557.431.470</u>

11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Tình hình thực hiện nghĩa vụ ngân sách Nhà nước trong năm như sau:

Chỉ tiêu	<u>Số phải nộp</u>		<u>Số đã nộp</u>	
	<u>Số đầu năm</u>	<u>trong năm</u>	<u>trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Thuế phải nộp Nhà nước	336.788.311	52.564.670	(575.987.690)	(186.634.709)
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	29.130.041	(29.130.041)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp (*)	336.788.311	-	(523.423.020)	(186.634.709)
Thuế thu nhập cá nhân	-	11.520.000	(11.520.000)	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	8.914.629	(8.914.629)	-
Thuế môn bài	-	3.000.000	(3.000.000)	-
Các khoản phải nộp khác	-	-	-	-
Cộng	<u>336.788.311</u>	<u>52.564.670</u>	<u>(575.987.690)</u>	<u>(186.634.709)</u>

(*) Khoản thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa được trình bày trên khoản mục thuế và các khoản phải thu nhà nước (MS 154 - Bảng cân đối kế toán).

+ Thuế giá trị gia tăng

Công ty áp dụng Luật thuế giá trị gia tăng hiện hành theo phương pháp khấu trừ thuế.

Thuế suất áp dụng: 10%

+ Thuế thu nhập doanh nghiệp

Xem Thuyết minh IV.10.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	3.169.474.218	8.659.178.690
Các khoản điều chỉnh để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	38.600.000	1.183.570.500
- Các khoản điều chỉnh tăng	38.600.000	1.183.570.500
<i>Chi phí lãi vay tương ứng với phần vốn điều lệ chưa góp đủ</i>	-	1.183.570.500
<i>Thù lao Hội đồng quản trị</i>	38.600.000	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Tổng thu nhập tính thuế	3.208.074.218	9.842.749.190

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG QUY NHƠN

Địa chỉ: Số 02 Phan Chu Trinh, phường Hải Cảng, TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu nhập chịu thuế (thuế suất 25%)	-	6.098.698.421
Thu nhập được ưu đãi thuế (hưởng thuế suất 10%)	3.208.074.218	3.744.050.769
Thuế thu nhập doanh nghiệp dự tính phải nộp	320.807.422	1.899.079.682
Thuế TNDN miễn theo chứng nhận đầu tư	(320.807.422)	(374.405.077)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	1.524.674.605

+ Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định hiện hành.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng Luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo những cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các Báo cáo tài chính sẽ được xác định một cách chắc chắn theo quyết định cuối cùng của cơ quan Thuế.

12. Phải trả người lao động

Tiền lương còn phải trả cho người lao động Công ty.

13. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

Cổ tức còn phải trả cho các cổ đông.

14. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Số đầu năm	-
Trích lập từ lợi nhuận	150.000.000
Chi trong năm	(23.205.000)
Số cuối năm	126.795.000

15. Phải trả dài hạn khác

Khoản phải trả Công ty cổ phần TMDV Công Thành.

16. Vay và nợ dài hạn

Khoản vay dài hạn của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Định theo Hợp đồng tín dụng số 01/2009/HĐ ngày 28 tháng 12 năm 2009 và Biên bản bổ sung Hợp đồng tín dụng số 02/2012/BSHĐ ngày 22 tháng 11 năm 2012 với hạn mức 64.000.000.000 VND. Lãi suất cho vay áp dụng lãi suất thả nổi điều chỉnh 03 tháng 01 lần theo nguyên tắc lãi tiết kiệm 12 tháng trả sau áp dụng tại ngân hàng cộng với phí 3,5%/năm.

Khoản vay này được đảm bảo bằng hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 01/2012/HĐ ngày 22 tháng 11 năm 2012. Theo đó Công ty thế chấp toàn bộ dự án đầu tư xây dựng công trình Cầu cảng container 30.000 DWT - Cảng Quy Nhơn, các tài sản hình thành gắn liền với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.

Tổng giá trị tài sản thế chấp tạm tính theo hợp đồng thế chấp là 205.746.668.013 VND.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn và nợ dài hạn như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG QUY NHƠN

Địa chỉ: Số 02 Phan Chu Trinh, phường Hải Cảng, TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đối tượng cho vay	Số đầu năm	Tăng trong năm	Chuyển sang	
			nợ đến hạn trả	Số cuối năm
Vay dài hạn ngân hàng	12.474.492.149	5.504.526.766	(800.000.000)	17.179.018.915
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Định	12.474.492.149	5.504.526.766	(800.000.000)	17.179.018.915
Nợ dài hạn	-	-	-	-
Tổng cộng	12.474.492.149	5.504.526.766	(800.000.000)	17.179.018.915

17. Vốn đầu tư của chủ sở hữu**Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm nay	107.922.750.000	-	11.944.454.213	119.867.204.213
Lãi tăng trong năm	-	-	3.169.474.218	3.169.474.218
Trích lập quỹ từ lợi nhuận năm trước	-	1.194.445.421	(1.344.445.421)	(150.000.000)
Chia cổ tức trong năm	-	-	(10.600.008.792)	(10.600.008.792)
Số dư cuối năm nay	107.922.750.000	1.194.445.421	3.169.474.218	112.286.669.639

Cổ tức

Cổ tức đã được ghi nhận trong Báo cáo tài chính năm 2012 như sau:

Cổ tức các năm trước (tỷ lệ 9,82%) 10.600.008.792

Cổ tức đã chi trả trong năm như sau:

Cổ tức các năm trước 10.343.353.824

Cổ phiếu

Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành 10.792.275 cổ phiếu

Số lượng cổ phiếu đã phát hành 10.792.275 cổ phiếu

- Cổ phiếu phổ thông 10.792.275 cổ phiếu

- Cổ phiếu ưu đãi -

Mệnh giá cổ phiếu 10.000 VND/cổ phiếu

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đơn vị tính: VND

1. Doanh thu

	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	5.060.325.795	4.924.576.260
Doanh thu dịch vụ cho thuê kho bãi	5.060.325.795	4.924.576.260
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần	5.060.325.795	4.924.576.260

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG QUY NHƠN

Địa chỉ: Số 02 Phan Chu Trinh, phường Hải Cảng, TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**2. Giá vốn hàng bán**

Chi phí khấu hao liên quan đến hoạt động cho thuê kho bãi phát sinh trong năm.

3. Doanh thu hoạt động tài chính

Khoản lãi tiền gửi ngân hàng phát sinh trong năm.

4. Chi phí tài chính

Khoản chi phí lãi vay phát sinh trong năm.

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	662.660.197	57.600.000
Chi phí vật liệu, đồ dùng văn phòng	90.205.760	-
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.437.500	-
Thuế, phí và lệ phí	45.394.629	3.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	92.838.523	62.807.692
Các chi phí bằng tiền khác	54.097.817	266.975.754
Cộng	<u>950.634.426</u>	<u>390.383.446</u>

6. Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Không có tài sản thuế thu nhập hoãn lại hay thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận do không có các khoản chênh lệch tạm thời lớn giữa cơ sở tính thuế giữa các khoản mục tài sản và nợ và giá trị ghi sổ của các khoản mục đó trong báo cáo tài chính.

7. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận thuần phân bổ cho cổ đông cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	3.169.474.218	7.134.504.085
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	3.169.474.218	7.134.504.085
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	10.792.275	10.792.275
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>294</u>	<u>661</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂN CẢNG QUY NHƠN

Địa chỉ: Số 02 Phan Chu Trinh, phường Hải Cảng, TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****1. Một số chỉ tiêu đánh giá khái quát thực trạng tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty**

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm nay	Năm trước
Cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn			
Cơ cấu tài sản			
Tài sản ngắn hạn/Tổng số tài sản	%	8,59	35,35
Tài sản dài hạn/Tổng số tài sản	%	91,41	64,65
Cơ cấu nguồn vốn			
Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	20,92	12,12
Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	79,08	87,88
Khả năng thanh toán			
Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	4,78	8,25
Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	Lần	1,00	12,85
Khả năng thanh toán nhanh	Lần	0,09	7,87
Tỷ suất sinh lời			
Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu thuần	%	62,63	175,84
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần	%	62,63	144,88
Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản	%	2,23	6,35
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản	%	2,23	5,23
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên Vốn chủ sở hữu			
	%	2,82	5,95
Tốc độ chu chuyển vốn lưu động			
Doanh thu thuần trên tài sản ngắn hạn bình quân	Lần	0,17	0,08

2. Thông tin so sánh

Báo cáo tài chính năm 2011 của Công ty cổ phần Tân Cảng Quy Nhơn đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Dịch vụ Tin học TP. Hồ Chí Minh. Các số dư đầu năm và số liệu so sánh liên quan đến năm 2011 trên báo cáo tài chính năm 2012 (bao gồm: số dư đầu năm, tình hình kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ năm trước) đã được ghi nhận trên báo cáo nêu trên.

Bình Định, ngày 31 tháng 01 năm 2013



MAI QUANG CƯỜNG
Kế toán trưởng



PHẠM VĂN THÀNH
Giám đốc